

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG THPT NAM TRỰC

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ
NĂM HỌC 2025 – 2026**

Ninh Bình, tháng 5/2026



SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG THPT NAM TRỰC

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYÊN ĐỔI SỐ
NĂM HỌC 2025 – 2026**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Đào Văn Duẩn	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Nguyễn Văn Nam	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Nguyễn Thị Nhân	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
4	Đặng Quang Bốn	CT CĐ, TK HĐ	Thư ký Hội đồng	
5	Đỗ Hải Thu	Tổ trưởng CM	Ủy viên Hội đồng	
6	Đoàn Văn Doanh	Tổ trưởng CM	Ủy viên Hội đồng	
7	Trần Thị Dừa	Tổ trưởng CM	Ủy viên Hội đồng	
8	Trần Thị Thìn	Tổ trưởng CM	Ủy viên Hội đồng	
9	Trần Thị Hạnh	Tổ trưởng CM	Ủy viên Hội đồng	
10	Nguyễn Thị Thu Hương	Tổ trưởng CM	Ủy viên Hội đồng	
11	Hoàng Quốc Việt	Tổ phó CM	Ủy viên Hội đồng	
12	Đoàn Văn Ngự	Bí thư Đoàn	Ủy viên Hội đồng	
13	Trần Thị Thanh Thủy	Phó Bí thư Đoàn	Ủy viên Hội đồng	
14	Nguyễn Thị Mai	Nhân viên văn thư	Ủy viên Hội đồng	
15	Lê Thị Thịnh	Nhân viên kế toán	Ủy viên Hội đồng	

Ninh Bình, tháng 5/2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	2
Danh mục các chữ viết tắt (nếu có)	3
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	4
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	5
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	6
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	6
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	8
I. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học	8
1. Tiêu chí 1.1. <i>Ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp)</i>	8
2. Tiêu chí 1.2. <i>Ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến</i>	11
3. Tiêu chí 1.3. <i>Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến</i>	12
4. Tiêu chí 1.4. <i>Số hóa các học liệu</i>	14
5. Tiêu chí 1.5. <i>Triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập</i>	16
6. Tiêu chí 1.6. <i>Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số</i>	17
7. Tiêu chí 1.7. <i>Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học</i>	19
<i>Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học</i>	21
II. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	21
1. Tiêu chí 2.1. <i>Thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số</i>	21
2. Tiêu chí 2.2. <i>Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số</i>	23
3. Tiêu chí 2.3. <i>Triển khai phần mềm quản trị nhà trường</i>	25
4. Tiêu chí 2.4. <i>Triển khai dịch vụ trực tuyến</i>	27
<i>Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục</i>	27
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	30

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	DẠNG VIẾT ĐẦY ĐỦ	CHỮ VIẾT TẮT
1	Ban chỉ đạo	BCĐ
2	Trung học phổ thông	THPT
3	Công nghệ thông tin	CNTT
4	Cơ sở dữ liệu	CSDL
5	Tự đánh giá	TĐG
6	Giáo dục và đào tạo	GDĐT
7	Cán bộ-giáo viên-nhân viên	CB-GV-NV
8	Chuyên đổi số	CĐS

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

(Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Kết quả đạt)

Tiêu chí	Kết quả đạt		
	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
Nhóm tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học			
Tiêu chí 1.1		X	
Tiêu chí 1.2		X	
Tiêu chí 1.3		X	
Tiêu chí 1.4			X
Tiêu chí 1.5		X	
Tiêu chí 1.6		X	
Tiêu chí 1.7		X	
Nhóm tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục			
Tiêu chí 2.1			X
Tiêu chí 2.2			X
Tiêu chí 2.3			X
Tiêu chí 2.4			X

Kết quả: Đạt Mức độ 2

2. Kết luận về mức độ chuyển đổi số: Đạt mức độ 2

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương: Ninh Bình

Xã / phường/thị trấn: Xã Nam Trục

Điện thoại: 0228 3827099 Fax

Email: thpt.namtruc@namdinh.edu.vn

Website: <https://thpt-namtruc.namdinh.edu.vn>

Đạt mức độ chuyển đổi số: **Mức độ 2**

1. Số học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên

- Tổng số học sinh năm học 2025-2026: 1465 học sinh, trong đó:

+ Lớp 10: 462 học sinh

+ Lớp 11: 501 học sinh

+ Lớp 12: 502 học sinh

- Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 85 người, trong đó

+ Cán bộ quản lý: 03

+ Giáo viên: 74

+ Nhân viên: 08

2. Nhân sự thực hiện chuyển đổi số

- Tỷ lệ giáo viên có thể ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và khai thác các phần mềm hỗ trợ đổi mới trong dạy học là: 100%

- Tỷ lệ cán bộ, giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử là: 77/77, đạt 100%

- Nhà trường chưa có nhân viên công nghệ thông tin chuyên trách để thực hiện chuyển đổi số tại đơn vị. Giáo viên tin học đang làm nhiệm vụ kiêm nhiệm cùng một số giáo viên bộ môn khác có năng lực tốt về CNTT.

3. Cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin

- Nhà trường có 33 phòng học đều được trang bị tivi thông minh hoặc máy chiếu. Tất cả các phòng họp bộ môn, phòng thực hành đều được trang bị máy chiếu.

- Nhà trường có mạng Internet phủ sóng toàn bộ các lớp học và các khu làm việc.

- 02 phòng thực hành Tin học có 50 máy tính được kết nối Internet, tỉ lệ: 02 học sinh/1 máy

4. Các số liệu khác (nếu có)

.....

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường THPT Nam Trực được thành lập tháng 9 năm 1973, hiện đang đóng trên địa bàn xã Nam Trực, tỉnh Ninh Bình (thị trấn Nam Giang, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định cũ).

Trải qua hơn 50 năm xây dựng và trưởng thành, nhà trường đã đạt được nhiều thành tích đáng tự hào: được Thủ tướng chính phủ khen năm 2002, nhiều năm được công nhận là trường tiên tiến và tiên tiến xuất sắc. Trường luôn nằm trong top 20 của tỉnh về thành tích thi học sinh giỏi, thi tốt nghiệp THPT và các cuộc thi, hội thi khác. Hàng năm, nhà trường có khoảng 90% học sinh đỗ vào các trường đại học.

Về đội ngũ: Nhà trường hiện có 85 cán bộ, giáo viên nhân viên. 100% cán bộ, giáo viên có máy tính, điện thoại thông minh, có khả năng ứng dụng CNTT vào quản lý và giảng dạy. Đội ngũ nhân viên hầu hết biết sử dụng máy tính và các phần mềm để phục vụ công việc.

Về học sinh: Tổng số học sinh nhà trường năm học 2025-2026 là 1465 học sinh. Đa số các em có điện thoại thông minh, biết khai thác CNTT để phục vụ học tập. Tuy nhiên số lượng học sinh có máy vi tính chỉ đạt khoảng 5%.

Về cơ sở vật chất: Tất cả các phòng ban của nhà trường đều được trang bị máy tính kết nối Internet. 100% lớp học được trang bị máy chiếu hoặc tivi thông minh. Mạng Internet được phủ sóng toàn trường. Ngoài ra, nhà trường đang khai thác có hiệu quả các phần mềm quản lý và dạy học như: Vnedu, Cơ sở dữ liệu ngành, Office 365; các phần mềm hỗ trợ thi tuyển sinh và tốt nghiệp, chấm trắc nghiệm; các phần mềm kế toán...

2. Mục đích tự đánh giá

- Thực hiện tự đánh giá mức độ chuyển đổi số theo “Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên” được ban hành tại Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, để đánh giá công tác chuyển đổi số của nhà trường trong năm học. Lập hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài và công nhận mức độ chuyển đổi số của đơn vị theo lộ trình đánh giá mức độ chuyển đổi số.

- Lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chuyển đổi số nói riêng và chất lượng của nhà trường nói chung; để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận hoặc không công nhận cơ sở giáo dục phổ thông đạt các mức độ kiểm định chất lượng giáo dục.

- Khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực cho giáo dục, góp phần tạo điều kiện đảm bảo cho nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục; đề cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận hoặc không công nhận cơ sở giáo dục phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

3.1. Công tác chỉ đạo và triển khai thực hiện

Với sự phát triển không ngừng của công nghệ, chuyển đổi số có vai trò quan trọng trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trong đó xác định Giáo dục là một trong 8 lĩnh vực cần được ưu tiên thực hiện chuyển đổi số trước tiên. Việc chuyển đổi số trong giáo dục thành công sẽ giúp thay đổi nhận thức nhanh nhất, mang lại hiệu quả, tiết kiệm chi phí, góp phần thúc đẩy tiến trình xây dựng Xã hội số. Có hai nội dung chính cần tập trung trong việc chuyển đổi số, đó là: Chuyển đổi số trong quản lý và chuyển đổi số trong dạy, học, kiểm tra, đánh giá.

Năm học 2025-2026, nhà trường tiếp tục thực hiện đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý và dạy học theo chỉ đạo của Sở GD&ĐT. Nhà trường tiến hành quán triệt và triển khai đầy đủ, kịp thời đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường các văn bản chỉ đạo các cấp về ứng dụng CNTT, CDS thông qua các cuộc họp hội đồng sư phạm, qua các trang thông tin nội bộ, gmail và Website đơn vị; Triển khai thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ CNTT theo hướng dẫn của Sở GD&ĐT: Xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS; Kế hoạch triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”; Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số¹; Xây dựng và ban hành các quy chế: Quy chế tổ chức dạy học trực tuyến, Quy chế quản lý và sử dụng phần mềm quản lý nhà trường, Quy chế đảm bảo an toàn an ninh mạng²; Thành lập Hội đồng tự đánh giá mức độ chuyển đổi số năm học 2025-2026³; Xây dựng Kế hoạch tự đánh giá mức độ CDS năm học 2025-2026⁴.

3.2. Công tác tự đánh giá của các thành viên trong đơn vị

Căn cứ Kế hoạch số 300/KH-THPT NT ngày 18 tháng 12 năm 2025 về việc

¹ Kế hoạch số 114/KH-THPT NT ngày 03 tháng 10 năm 2025 v/v thực hiện nhiệm vụ CNTT và CDS; Kế hoạch số 13/KH-THPT NT ngày 28/7/2025 v/v triển khai phong trào Bình dân học vụ số; Kế hoạch số 261/KH-THPT NT ngày 13/11/2025 v/v triển khai các nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số;

² Quyết định số 134/QĐ-THPT NT ngày 14 tháng 10 năm 2025 v/v ban hành Quy chế tổ chức dạy học trực tuyến; Quyết định số 132/QĐ-THPT NT ngày 14 tháng 10 năm 2025 v/v ban hành Quy chế quản lý, sử dụng phần mềm quản lý nhà trường; Quyết định số 137/QĐ-THPT NT ngày 14 tháng 10 năm 2025 v/v ban hành Quy chế bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của Trường THPT Nam Trực;

³ Quyết định số 299/QĐ-THPT NT ngày 18/12/2025;

⁴ Kế hoạch số 300/KH-THPT NT ngày 18/12/2025.

tự đánh giá mức độ chuyển đổi số năm học 2025-2026 của đơn vị và bộ chỉ số đánh giá mức độ CDS được ban hành kèm theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chủ tịch hội đồng tự đánh giá đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên. Trên cơ sở đó, các thành viên đã:

- Tiến hành tự đánh giá dựa trên các hồ sơ, minh chứng cụ thể và ghi chép biên bản đầy đủ, đúng quy định.

- Hoàn thiện báo cáo công tác triển khai việc đánh giá mức độ chuyển đổi số.

- Ra quyết định phê duyệt kết quả tự đánh giá.

- Việc lưu hồ sơ, minh chứng được sắp xếp đóng quyển thành 01 bộ lưu tại nhà trường; lưu trữ trên google drive và báo cáo Sở GDĐT Ninh Bình qua trực Quản lý văn bản điều hành.

3.3. Những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

Trong thời gian qua, trường THPT Nam Trục cũng đã từng bước tuyên truyền nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, quản lý, giáo viên và học sinh về chuyển đổi số. Nhà trường cũng đã trang bị cho 33 phòng học có Tivi hoặc máy chiếu, sử dụng 02 đường truyền internet tốc độ cao để phủ sóng wifi trong toàn trường tạo điều kiện thuận lợi để ứng dụng CNTT trong dạy và học; sử dụng các phần mềm trong quản lý, trong công tác kế toán tài chính, quản lý CSVC, sử dụng phần mềm Testpro Engine để bài chấm thi trắc nghiệm chung toàn trường. Nhà trường đã tập huấn cho toàn thể giáo viên sử dụng thành thạo các phần mềm Microsoft Teams, Google Meet, Classroom, OLM để dạy học trực tuyến... Tuy nhiên, một số giáo viên chưa thành thạo sử dụng các phần mềm mới để hỗ trợ trong dạy, học và kiểm tra đánh giá.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học

Mở đầu: Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học nhằm phân tích, đánh giá các kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến, việc ban hành kế hoạch dạy học trực tuyến; triển khai các phần mềm dạy học trực tuyến; số lượng học liệu được số hoá; tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính; phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số; hạ tầng thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học.

1. Tiêu chí 1.1. Ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến kết hợp với dạy học trực tiếp

a) Mô tả hiện trạng

Năm học 2025-2026, nhà trường xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường (Kế hoạch số 78/KH-THPT NT ngày 17 tháng 9 năm 2025), trong đó có nội dung dạy học trực tuyến, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và

quản lý giáo dục; thực hiện chuyển đổi số trong GDĐT đáp ứng tình hình thực tiễn của nhà trường. **[H1-1.1-01]**.

Nhà trường cũng ban hành Kế hoạch số 114/KH-THPT NT ngày 03/10/2025 về thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số năm học 2025-2026. **[H1-1.1-02]**.

b) Điểm mạnh:

Lãnh đạo đơn vị luôn chú trọng công tác Chuyển đổi số trong nhà trường, đã cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo của Bộ và Sở GDĐT Ninh Bình thành hệ thống kế hoạch, hướng dẫn nội bộ phù hợp với điều kiện của đơn vị; luôn huy động tối đa tất cả nguồn lực về CSVC và nhân lực để đảm bảo chất lượng công tác chuyển đổi số của đơn vị.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục trong đó có nội dung dạy học trực tuyến. 100% giáo viên nắm vững các kỹ năng, tiến trình dạy học trực tiếp kết hợp với dạy học trực tuyến.

Nhà trường có hợp đồng với nhà mạng VNPT và Viettel để triển khai kết nối mạng đến từng phòng học và phòng làm việc, đảm bảo thuận lợi cho quá trình làm việc và dạy học trực tuyến; đảm bảo cho phòng thực hành tin học được trang bị máy tính có kết nối mạng để phục vụ việc dạy và học thực hành môn tin học trong nhà trường. Thành lập bộ phận phụ trách công tác chuyển đổi số của đơn vị, nòng cốt là các đồng chí có chiều sâu về kiến thức, kỹ năng CNTT.

Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường có kiến thức khá đồng đều về CNTT và luôn đề cao, chú trọng công tác chuyển đổi số. Nhiều đồng chí tích cực đầu tư để tự học, tự bồi dưỡng nâng cao về kỹ năng CNTT, kiến thức chuyển đổi số, tích cực tìm tòi các ứng dụng phù hợp với công tác dạy học, đầu tư thiết bị tiên tiến để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, trong đó có công tác chuyển đổi số.

c. Điểm yếu

Nhà trường đã thực hiện kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến, tuy nhiên tiết dạy trực tuyến còn ít, chưa đảm bảo 5% số tiết của mỗi môn được dạy học trực tuyến.

Kế hoạch giáo dục nhà trường cần làm rõ hơn nội dung dạy học trực tuyến.

Việc thiết lập lưu hình ảnh minh chứng về các tiết dạy trực tuyến năm học 2025-2026 còn hạn chế.

Hệ thống máy tính hiện tại đã qua nhiều năm sử dụng nên chỉ số khấu hao cao, thiết bị đã cũ và lạc hậu về cấu hình. Phòng thực hành bộ môn Tin học chỉ còn khoảng 50 máy tính duy trì được khả năng hoạt động ở mức cơ bản, thường xuyên phát sinh lỗi kỹ thuật, hiệu suất thấp, ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ và chất lượng của các tiết học thực hành.

d) Kế hoạch cải tiến

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/ thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Xây dựng kế hoạch dạy học trực tuyến có các giải pháp hữu hiệu hơn để đạt chỉ tiêu đề ra.	Lãnh đạo nhà trường; các tổ nhóm chuyên môn.	Cơ sở vật chất cần thiết, cán bộ, giáo viên	Từ tháng 8/2026 đến tháng 10/2026	Không
Tiếp tục tổ chức dạy học trực tuyến các môn học, HĐGD cần phù hợp với thực tế tình hình, điều kiện, đặc trưng của nhà trường.	Lãnh đạo nhà trường; các tổ nhóm chuyên môn.	Cơ sở vật chất cần thiết, cán bộ, giáo viên	Tháng 09/2026 và trong cả năm học.	Không
Tổ chức lưu trữ minh chứng về tổ chức dạy học trực tuyến khoa học hơn.	Lãnh đạo nhà trường, nhân viên văn thư, tổ nhóm CM	Cơ sở vật chất cần thiết, cán bộ, giáo viên, nhân viên	Tháng 06/2026 và trong cả năm học.	Không
Quan tâm hơn nữa công tác bồi dưỡng đội ngũ về CNTT và chuyển đổi số.	Lãnh đạo nhà trường, tổ CM	Cơ sở vật chất cần thiết, cán bộ, giáo viên, nhân viên	Năm học 2026-2027 và các năm học tiếp theo	Không
Đề xuất với Sở GD&ĐT và huy động các nguồn lực phù hợp để đầu tư, tự trang bị đủ số lượng trang thiết bị tối thiểu để tổ chức dạy học trực tuyến và CDS trong dạy học	Lãnh đạo nhà trường	Sự quan tâm đầu tư của Sở GD&ĐT; của các nhà hảo tâm, cựu học sinh	Năm học 2026-2027 và các năm học tiếp theo	Khoảng 100 triệu/năm

e) Tự đánh giá: Đạt Mức độ 2

Kết luận về Tiêu chí: Đạt mức độ 2

2. Tiêu chí: 1.2: Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến

a) Mô tả hiện trạng

Năm học 2025-2026, nhà trường đã xây dựng và ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến năm học 2025-2026 kèm theo quyết định số Quyết định số 134/QĐ-THPT NT ngày 14 tháng 10 năm 2025 [**H1-1.2**]

b) Điểm mạnh:

Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, Kế hoạch triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” năm học 2025-2026; thực hiện đề án “Tăng cường ứng dụng CNTT và Chuyển đổi số” giai đoạn 2022-2025, định hướng 2030; thành lập Tổ công nghệ thông tin và chuyển đổi số năm học 2025-2026, trong đó có phân công, quy định rõ trách nhiệm của từng thành viên trong Ban chỉ đạo nhằm quản trị, quản lý các hoạt động liên quan đến CNTT, CDS và công tác thống kê giáo dục của nhà trường.

Căn cứ Kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến năm học 2025-2026, nhà trường đã ban hành Quyết định về việc ban hành Quy chế tổ chức dạy và học trực tuyến đối với cán bộ, giáo viên, học sinh nhà trường đảm bảo các nội dung của Điều 15, Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT và bám sát vào các hướng dẫn của sở Giáo dục.

Quy chế tổ chức dạy và học trực tuyến năm học 2025-2026 được ban hành đảm bảo các yêu cầu nội dung như:

- + Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng;
- + Hình thức dạy học trực tuyến;
- + Nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường (Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng), tổ chuyên môn, giáo viên, nhân viên và các bộ phận liên quan, học sinh, gia đình học sinh trong quá trình triển khai thực hiện;
- + Hình thức tổ chức lớp học trực tuyến;
- + Cách thức tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh;
- + Quy định về quản lý, lưu trữ dữ liệu trong dạy học trực tuyến;

c) Điểm yếu:

Hạ tầng mạng, trang thiết bị CNTT, đường truyền, dịch vụ Internet chưa đồng bộ, chưa ổn định;

Số hóa, xây dựng, cập nhật học liệu số, thẩm định, chia sẻ học liệu số đòi hỏi sự đầu tư lớn về nhân lực (gồm cả nhân lực quản lý và nhân lực triển khai) cũng như tài chính để đảm bảo khai thác học liệu số đạt chất lượng, đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu, tham khảo của giáo viên và học sinh. Nhà trường đã xây

dựng kho học liệu số từ năm học 2023-2024 nhưng tài nguyên còn ít, đơn điệu, chất lượng chưa cao.

d) Kế hoạch cải tiến

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/ thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục tuyên truyền phổ biến, nâng cao nhận thức và trách nhiệm, thông suốt về tư tưởng và quyết tâm hợp lực thực hiện chuyển đổi số trong toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên;	Lãnh đạo nhà trường; TTCM	Cán bộ, giáo viên, nhân viên	Từ tháng 8/2026 đến tháng 10/2026	Không
Thúc đẩy phát triển học liệu số (phục vụ việc dạy - học, kiểm tra, đánh giá, học sinh), tiếp tục đổi mới cách dạy và học trên cơ sở áp dụng công nghệ thông tin. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tích cực bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng CNTT, an toàn thông tin cần thiết để tác nghiệp trên môi trường số, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.	Lãnh đạo nhà trường; TTCM	Cán bộ, giáo viên, nhân viên	Năm học 2026-2027 và các năm học tiếp theo	Không

e) Tự đánh giá: Đạt Mức độ 2

Kết luận về Tiêu chí: Đạt mức độ 2

3. Tiêu chí 1.3: Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến

a) Mô tả hiện trạng:

Từ năm 2020, nhà trường đã chỉ đạo các bộ phận chuyên môn, tổ công nghệ thông tin nhà trường triển khai các phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp như Google Meet, Zoom, Microsoft Team, OLM.... Tập huấn, hướng dẫn cho giáo viên sử dụng để tổ chức dạy học. 100% giáo viên thực hiện nghiêm túc việc dạy học trực tuyến khi xảy ra dịch Covid. Năm học 2025-2026, một số giáo viên sử dụng để tổ chức các lớp học trực tuyến nhằm bồi dưỡng học sinh giỏi, tổ chức ôn tập, củng cố kiến thức cho học sinh... [H1-1.3]

b) Điểm mạnh:

Tại thời điểm đánh giá, giáo viên nhà trường đều biết triển khai các phần mềm dạy học trực tuyến để hỗ trợ học sinh học tập.

c) Điểm yếu:

Việc triển khai phần mềm dạy học trực tuyến chưa thể hiện rõ trên kế hoạch giáo dục của hầu hết các nhóm chuyên môn.

Đa số giáo viên chưa triển khai thường xuyên vì chủ yếu giáo viên giao bài tập về nhà qua các nhóm lớp, kiểm tra việc thực hiện của học sinh qua Padlet hoặc qua việc gửi Zalo..

d) Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/ thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục tăng cường công tác bồi dưỡng năng lực chuyên môn trong chuyên đổi số cho tất cả giáo viên trong nhà trường bằng các hình thức: sinh hoạt chuyên đề, tăng cường sinh hoạt chuyên môn thông qua các phần mềm Google Meet, Zoom, Microsoft Team.	Lãnh đạo nhà trường; Tổ CNTT, TTCM	Cán bộ, giáo viên, nhân viên	Năm học 2026-2027 và các năm học tiếp theo	Không
Phân công các giáo viên trẻ, giáo viên môn Tin học hỗ trợ, tập huấn thêm công nghệ thông tin cho các thành viên tổ; giáo viên có kinh nghiệm, chuyên môn tốt bồi dưỡng giúp đỡ những giáo viên năng lực còn hạn chế.	Lãnh đạo nhà trường; TTCM	Cán bộ, giáo viên, nhân viên	Năm học 2026-2027 và các năm học tiếp theo	Không

e) Tự đánh giá:

Chỉ số		Điểm số
1.3.1	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS))	4

1.3.2	(1) Có chức năng giáo viên giao bài cho học sinh tự học	4
1.3.3	(2) Có chức năng giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh	4
1.3.4	(3) Có chức năng tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên	4
1.3.5	(4) Có chức năng phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh	2
<i>Tổng số điểm đạt được: 18</i>		Đạt Mức độ: 2

Kết luận về Tiêu chí: Đạt mức độ 2

4. Tiêu chí: 1.4. Số lượng học liệu được số hóa

a) Mô tả hiện trạng:

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường; kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học; kế hoạch triển khai thực hiện ứng dụng CNTT, CDS, kế hoạch triển khai các nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số năm học 2025-2026; Hướng dẫn triển khai xây dựng kho học liệu số và dạy học trực tuyến phù hợp với tình hình thực tiễn của đơn vị. **[H1-1.4-01]**.

Học liệu dạy học trực tuyến được xây dựng theo chương trình giáo dục phổ thông, bao gồm: bài giảng đa phương tiện; hướng dẫn thí nghiệm, thực hành; phần mềm mô phỏng; hệ thống câu hỏi, bài tập luyện tập và kiểm tra, đánh giá; tài liệu tham khảo, bổ trợ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Giáo viên nhà trường đã chủ động thiết kế các học liệu dạy học trực tuyến phù hợp với nội dung bài học, chủ đề học tập và hoạt động dạy học của giáo viên và học sinh; bảo đảm tính khoa học, sư phạm và phù hợp với truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc.

Học liệu dạy học trực tuyến sử dụng trong nhà trường được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phổ thông phê duyệt. **[H1-1.4-02]**.

b) Điểm mạnh:

Nhà trường đã chủ động xây dựng kế hoạch triển khai tới toàn thể CB, GV, NV về ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong dạy, học phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế của đơn vị; có hướng dẫn giáo viên các phần mềm, cách thức xây dựng học liệu số đảm bảo theo chương trình giáo dục phổ thông, phù hợp với nội dung bài học, chủ đề học tập và hoạt động dạy học của giáo viên và học sinh đảm bảo theo quy định.

Hầu hết giáo viên trong nhà trường ứng dụng thành thạo CNTT và chuyển đổi số trong dạy học; chủ động thiết kế các học liệu dạy học trực tuyến phù hợp với nội dung bài học, chủ đề học tập và hoạt động dạy học của giáo viên và học sinh; bảo đảm tính khoa học, sư phạm và phù hợp với truyền thống lịch sử, văn

hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc.

Học liệu dạy học trực tuyến sử dụng trong nhà trường đã được tổ chuyên môn thông qua và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt. Các học liệu điện tử đều được sử dụng trong quá trình giảng dạy với HS; được lưu trữ trong Drive của nhà trường; có đường link cụ thể, được chia sẻ tới toàn bộ CB, GV, NV, rất thuận tiện cho việc lưu trữ, sử dụng, quản lý và kiểm tra và được đăng tải trên Website đơn vị⁵. Tổng học liệu số xây dựng năm học 2025-2026 là 52 học liệu.

c) Điểm yếu:

Kỹ năng ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong dạy học (kỹ năng khai thác và sử dụng các phần mềm để xây dựng học liệu số...) của một số giáo viên trong nhà trường còn chưa cao, đặc biệt là giáo viên lớn tuổi.

Số lượng học liệu được số hóa đã đảm bảo về số lượng, tuy nhiên chất lượng chưa cao, một số học liệu còn sơ sài, chưa phong phú, thu hút, chưa đảm bảo theo quy định.

d) Kế hoạch cải tiến:

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/ thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết cho từng khối lớp về xây dựng học liệu đảm bảo số lượng, chất lượng theo quy định	Lãnh đạo nhà trường; TTCM	Cán bộ, giáo viên, CSVC	Năm học 2026-2027 và các năm học tiếp theo	Không
Tổ chức tập huấn, hướng dẫn giáo viên sử dụng các phần mềm, cách thức xây dựng học liệu số đảm bảo theo chương trình giáo dục phổ thông, phù hợp với nội dung bài học, chủ đề học tập và hoạt động dạy, học.	Lãnh đạo nhà trường; Tổ CNTT	Cán bộ, giáo viên, nhân viên	Năm học 2026-2027 và các năm học tiếp theo	Không

e) Tự đánh giá: Số điểm đạt được: 8 điểm Đạt Mức độ 3

Kết luận về Tiêu chí: Đạt mức độ 3

⁵ <https://thptnamtruc.ninhbinh.edu.vn/tai-nguyen/hoc-lieu-so-dung-chung-nam-hoc-2025-2026-da-duoc-hieu-truong-phe-duyet-theo-qd-so-35qd-thpt-nt-ngay-0242026>

5. Tiêu chí 1.5: Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính

a) Mô tả hiện trạng:

Nhà trường có kế hoạch kiểm tra đánh giá năm học 2025-2026 (có nội dung kiểm tra, đánh giá học tập trên phòng máy tính). **[H1-1.5.01]**

Trong kế hoạch dạy học của nhóm chuyên môn Tin học, các bài kiểm tra định kì đều được kiểm tra đánh giá trên máy tính. Các bài kiểm tra thường xuyên là sản phẩm thực hành trên máy tính.

Hồ sơ dữ liệu thực tế trên hệ thống phần mềm khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính **[H1-1.5.02]**

b. Điểm mạnh:

Nhà trường đã có kế hoạch kiểm tra đánh giá năm học 2025-2026 có nội dung kiểm tra, đánh giá học tập trên phòng máy tính.

c. Điểm yếu:

Việc triển khai tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính chưa thể hiện rõ trên kế hoạch kiểm tra đánh giá năm học 2025-2026.

Hệ thống thiết bị tại 02 phòng Tin học hiện đã cũ, cấu hình lạc hậu và thiếu tính đồng bộ. Nhiều máy tính bắt đầu xuất hiện lỗi phần cứng, hoạt động thiếu ổn định, thường xuyên phát sinh lỗi vận hành.

d. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/ thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Ưu tiên dành các nguồn lực để đầu tư cho cơ sở vật chất, cải tạo, bổ sung trang thiết bị phòng học tin học đảm bảo trang bị đủ máy tính cho giáo viên, học sinh phục vụ công tác giảng dạy, kiểm tra đánh giá.	Lãnh đạo nhà trường	Nguồn kinh phí được cấp; các nguồn lực tài trợ (nếu có)	Năm học 2026-2027 và các năm học tiếp theo	Khoảng 100 triệu/năm

Xây dựng Kế hoạch kiểm tra đánh giá, cần nêu rõ các môn học có kiểm tra đánh giá trực tuyến, thời điểm kiểm tra	PHT phụ trách chuyên môn, TTCM	Cán bộ, giáo viên, nhân viên	Năm học 2026-2027 và các năm học tiếp theo	Không
Định kỳ rà soát và có kế hoạch đề nghị mua sắm bổ sung, bảo dưỡng, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, CDS trong dạy, học, kiểm tra đánh giá và quản lý giáo dục.	PHT phụ trách CSVC, CNTT; tổ CNTT	CSVC, thiết bị dạy học; nguồn kinh phí được cấp và các nguồn tài trợ (nếu có)	Năm học 2026-2027 và các năm học tiếp theo	Không

e) Tự đánh giá:

Chi số		Điểm số
1.5.1	Tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính	12
1.5.2	Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường	2
Tổng điểm: 14		- Đạt: Mức độ 2

Kết luận về Tiêu chí: Đạt mức độ 2

6. Tiêu chí 1.6: Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số

a) Mô tả hiện trạng:

Năm học 2025-2026, thực hiện các văn bản hướng dẫn của cấp trên, nhà trường đã: Ra quyết định thành lập tổ CNTT để hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên UDCNTT trong quản lý và dạy học. [H1-1.1-02].

Nhà trường cũng xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ CNTT và CDS; triển khai nội dung Chuyển đổi số trong dạy học đến toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên trong nhà trường. Trong kế hoạch hoạt động của các tổ chuyên môn, đều có nội dung bồi dưỡng thường xuyên, trong đó nội dung UDCNTT.

100% cán bộ quản lý biết sử dụng, khai thác dữ liệu từ các phần mềm, hệ thống CNTT của đơn vị đang triển khai để phục vụ công tác quản lý, điều hành như: phần mềm quản lý nhà trường, CSDL ngành, quản lý văn bản điện tử, cổng thông tin điện tử. Minh chứng là văn bản phê duyệt học liệu trực tuyến của nhà trường; ký duyệt giáo án trên Vnedu; quản lý sổ điểm học bạ điện tử. [H1-1.6].

Học liệu dạy học trực tuyến được các Tổ chuyên môn xây dựng theo chương trình giáo dục phổ thông và phù hợp với nội dung bài học.

Giáo viên xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử theo quy định tại Điều 7,

Thông tư 09. Minh chứng là danh sách các học liệu số, bài giảng điện tử được xây dựng của giáo viên được sử dụng phục vụ hoạt động dạy và học, được sử dụng trên hệ thống LMS/LCMS. [H1-1.4-02].

b. Điểm mạnh:

Tại thời điểm đánh giá, 100% giáo viên trong nhà trường có nhà trường có tài khoản trực tuyến trên hệ thống bồi dưỡng, có khả năng UDCNTT và đảm bảo khai thác các phần mềm hỗ trợ học tập; hầu hết có khả năng xây dựng học liệu số.

c) Điểm yếu:

Việc khai thác các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học ở một số giáo viên còn hạn chế.

Ý thức tự bồi dưỡng về CNTT nói riêng và bồi dưỡng thường xuyên nói chung ở một số giáo viên chưa cao.

d) Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/ thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục tăng cường công tác bồi dưỡng năng lực chuyên môn trong chuyên đổi số cho tất cả giáo viên trong nhà trường bằng các hình thức: sinh hoạt chuyên đề, tăng cường sinh hoạt chuyên môn thông qua các phần mềm zoom; google meet...	Lãnh đạo nhà trường, Tổ CNTT	Cán bộ, giáo viên, nhân viên	Năm học 2026-2027 và các năm học tiếp theo	Không
Phân công các giáo viên trẻ, giáo viên môn Tin học hỗ trợ, tập huấn thêm công nghệ thông tin cho các thành viên tổ; giáo viên có kinh nghiệm, chuyên môn tốt bồi dưỡng giúp đỡ những giáo viên năng lực còn hạn chế.	Lãnh đạo nhà trường, TTCM	Cán bộ, giáo viên, nhân viên	Năm học 2026-2027 và các năm học tiếp theo	Không

Quan tâm hơn nữa tới việc đầu tư kinh phí để phát triển nguồn nhân lực số.	Lãnh đạo nhà trường	CSVC, thiết bị dạy học; nguồn kinh phí được cấp và các nguồn tài trợ (nếu có)	Năm học 2026-2027 và các năm học tiếp theo	Dự kiến khoảng 20 triệu/năm
--	---------------------	---	--	-----------------------------

e) Tự đánh giá:

Chỉ số		Điểm số
1.6.1	Tỉ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu	7
1.6.2	Tỉ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học	5
1.6.3	Tỉ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử	6
Tổng điểm: 18		- Đạt: Mức độ 3

Kết luận về Tiêu chí: Đạt mức độ 3

7. Tiêu chí: 1.7: Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học

a) Mô tả hiện trạng:

100% các phòng học của nhà trường có máy chiếu/tivi thông minh, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy học và kết nối Internet. Nhà trường xây dựng kế hoạch quản lý, sử dụng thiết bị, thiết bị phụ trợ trong đó thể hiện việc khai thác, sử dụng cho các hoạt động giáo dục của nhà trường

Nhà trường có đầy đủ Hồ sơ quản lý, sử dụng: Sổ theo dõi thiết bị, đồ dùng dạy học có các thiết bị theo yêu cầu. Hóa đơn tiền internet, sơ đồ mạng LAN, mạng internet, thiết bị kết nối không dây, ... Sơ đồ mạng internet của đơn vị, hình thức triển khai hạ tầng mạng, các thông số mạng (download, upload,...)

Phòng học tin học gồm hệ thống máy tính, thiết bị phục vụ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử; đảm bảo 02 học sinh/1 máy/1 tiết học; có đầy đủ Sổ theo dõi sử dụng phòng học bộ môn Tin học.

Nhà trường xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT và CDS trong đó có nội dung đảm bảo an toàn thông tin mạng. Cuối năm nhà trường thực hiện Báo cáo tổng kết năm học có nội dung đảm bảo an toàn thông tin mạng **[H1-1.7]**.

b. Điểm mạnh:

Hệ thống cơ sở vật chất của nhà trường tương đối đầy đủ. Hệ thống Internet được phủ sóng các lớp và toàn bộ trong khu vực nhà trường quản lý, phục vụ tốt cho công tác quản trị nhà trường.

Đa số các đồng chí cán bộ, giáo viên, nhân viên có trình độ chuyên môn tốt,

95% cán bộ, giáo viên, nhân viên có chứng chỉ bồi dưỡng về Tin học đạt trình độ cơ bản trở lên.

Có đầy đủ hồ sơ quản lý, sử dụng: Sổ theo dõi thiết bị, đồ dùng dạy học, Sổ theo dõi, mượn trả của giáo viên, tổ chuyên môn.

c) Điểm yếu:

Đội ngũ giáo viên tuy có trình độ được bồi dưỡng về tin học tương đối đầy đủ song việc ứng dụng, sử dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy vẫn còn nhiều hạn chế.

Hầu hết máy tính phục vụ dạy học của nhà trường đã cũ, hay hư hỏng.

Phòng studio nhà trường còn thiếu thiết bị quay phim.

d) Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/ thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Nhà trường ưu tiên dành các nguồn lực để đầu tư cho cơ sở vật chất, cải tạo hệ thống CNTT phục vụ cho công tác dạy và học. Bộ phận phụ trách CNTT hàng tháng, quý, học kỳ, năm học rà soát và có kế hoạch đề nghị mua sắm bổ sung, duy trì, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, CDS trong dạy, học, kiểm tra đánh giá và quản lý giáo dục	Lãnh đạo nhà trường, Tổ CNTT	Nguồn kinh phí được cấp; các nguồn lực tài trợ (nếu có)	Năm học 2026-2027 và các năm học tiếp theo	Khoảng 100 triệu/năm
Triển khai tập huấn kỹ năng sử dụng hệ thống dữ liệu, các phần mềm ứng dụng trong hoạt động giảng dạy tới giáo viên thuộc tổ chuyên môn.	Lãnh đạo nhà trường, Tổ CNTT	Cán bộ, giáo viên, nhân viên	Năm học 2026-2027 và các năm học tiếp theo	Không

e) Tự đánh giá:

	Chỉ số	Điểm số
1.7.1	Phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học	7.5

1.7.2	Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học (Mức độ 1)	2
1.7.3	Có phòng studio	3
Tổng điểm: 12.5		- Đạt: Mức độ 2

Kết luận về Tiêu chí: Đạt mức độ 2

Kết luận về nhóm tiêu chí chuyển đổi số trong dạy học:

Điểm mạnh:

Lãnh đạo đơn vị luôn chú trọng công tác chuyển đổi số trong nhà trường, triển khai kịp thời bằng hệ thống kế hoạch, hướng dẫn đúng theo hướng dẫn của ngành, phù hợp với điều kiện của đơn vị; luôn huy động tối đa tất cả nguồn lực về CSVN và nhân lực để đảm bảo chất lượng công tác chuyển đổi số của đơn vị.

Nhà trường có hợp đồng với nhà mạng VNPT và Viettel để triển khai kết nối mạng đến từng phòng học và phòng làm việc, đảm bảo thuận lợi cho quá trình làm việc và dạy học trực tuyến; đảm bảo cho phòng thực hành tin học được trang bị máy tính có kết nối mạng để phục vụ việc dạy và học thực hành môn tin học trong nhà trường. Thành lập bộ phận phụ trách công tác chuyển đổi số của đơn vị, nòng cốt là các đồng chí có chiều sâu về kiến thức, kỹ năng CNTT.

Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường có kiến thức khá đồng đều về CNTT và luôn đề cao, chú trọng công tác chuyển đổi số. Nhiều đồng chí tích cực đầu tư để tự học, tự bồi dưỡng nâng cao về kỹ năng CNTT, kiến thức chuyển đổi số, tích cực tìm tòi các ứng dụng phù hợp với công tác dạy học, đầu tư thiết bị tiên tiến để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, trong đó có công tác chuyển đổi số.

Điểm yếu:

Đường truyền Internet của nhà trường nhiều lúc không ổn định.

Máy chiếu ở các lớp học và máy tính trang bị cho phòng thực hành môn Tin học của nhà trường đã cũ, cần được bổ sung, mua mới.

Phòng studio để phục vụ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử mới chỉ có máy tính, tivi, camera; còn thiếu nhiều thiết bị phải bổ sung.

Tổng điểm nhóm tiêu chí 1: 70.5 điểm, Đạt mức độ 2

II. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục

Mở đầu: Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục phân tích, đánh giá quá trình thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số; triển khai phần mềm quản trị nhà trường; mức độ triển khai các dịch vụ trực tuyến như các ứng dụng kết nối gia đình và nhà trường, dịch vụ triển khai đầu cấp trực tuyến và dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt.

1. Tiêu chí 2.1. Thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số.

a) Mô tả hiện trạng

Năm học 2025-2026, nhà trường căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của ngành Giáo dục về công tác chuyển đổi số trong các đơn vị sự nghiệp, đã triển khai xây dựng và ban hành: Quyết định thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số năm học 2025-2026 (QĐ số 109/QĐ-THPT NT ngày 02/10/2025). Danh sách gồm thông tin: Họ tên, chức vụ và phân công nhiệm vụ cụ thể⁶. Có phân công lãnh đạo phụ trách, rõ nội dung của cán bộ quản lý và thành viên trong Kế hoạch UDCNTT và CDS.

Kế hoạch ứng dụng CNTT, CDS⁷ được phổ biến quán triệt tới CBGVNV đơn vị, đăng tải trên Wbsite [\[H2-2.1\]](#)

b) Điểm mạnh

Việc thành lập Ban Chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong năm học 2025 - 2026 và việc phân công phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số có sự tham gia đóng góp ý kiến của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường nên những cá nhân được phân công đảm bảo năng lực, trình độ giúp nhà trường triển khai tốt việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số.

Các đồng chí được phân công thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT và chuyển đổi số đều nhiệt tình trong công tác, có trình độ, năng lực chuyên môn vững vàng, có nhiều kinh nghiệm trong việc ứng dụng CNTT trong quản lý và giảng dạy; có tinh thần trách nhiệm cao với công việc được giao.

c) Điểm yếu

Hạ tầng trang thiết bị CNTT cần bổ sung và nâng cấp.

Số lượng thiết bị hiện đại của nhà trường như: Phòng học thông minh, phòng studio; số lượng máy tính để phục vụ học tập còn ít; kết nối internet không ổn định.

Nhà trường không có vị trí nhân viên công nghệ thông tin nên phải bố trí, phân công các đồng chí giáo viên, nhân viên làm công tác kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ CNTT, làm đầu mối triển khai CNTT và công tác thống kê giáo dục.

d) Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/ thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục rà soát, ra quyết định kiện toàn phân công Tổ	Lãnh đạo nhà	Cán bộ, giáo viên, nhân viên	Năm học 2026-2027	Không

⁶ QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP TỔ CNTT VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM HỌC 2025-2026

⁷ Kế hoạch số 114/KH-THPT NT ngày 03/10/2025

CNTT và CDS đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ.	trường		và các năm học tiếp theo	
Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng mạng đồng bộ, thiết bị công nghệ thông tin thiết thực phục vụ dạy - học, tạo cơ hội học tập cho giáo viên và học sinh.	Lãnh đạo nhà trường	Nguồn ngân sách được cấp, các nguồn lực tài trợ (nếu có)	Năm học 2026-2027 và các năm học tiếp theo	Khoảng 100 triệu/năm
Tiếp tục bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên kiến thức, kỹ năng CNTT, an toàn thông tin cần thiết để tác nghiệp trên môi trường số, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.	Lãnh đạo nhà trường, Tổ CNTT	Cán bộ, giáo viên, nhân viên	Năm học 2026-2027 và các năm học tiếp theo	Không

e) **Tự đánh giá:** Đạt mức độ 3

Kết luận về Tiêu chí: Đạt mức độ 3

2. Tiêu chí 2.2. Ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

a) **Mô tả hiện trạng**

Năm học 2025-2026, nhà trường căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của Sở GD&ĐT về thực hiện nhiệm vụ CNTT và chuyển đổi số đã triển khai xây dựng và ban hành các loại kế hoạch: Kế hoạch ứng dụng CNTT & chuyển đổi số, Kế hoạch triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”, Kế hoạch chuyển đổi số & phát triển khoa học công nghệ. Các loại kế hoạch trên được triển khai đầy đủ tới cán bộ giáo viên, nhân viên và đăng tải trên cổng thông tin điện tử đơn vị⁸; Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học có nội dung đánh giá tiến độ triển khai các nhiệm vụ về ứng dụng CNTT và CDS [H2-2.2-02].

b) **Điểm mạnh**

Nhà trường đã quán triệt chỉ đạo của các cấp về việc triển khai thực hiện công tác ứng dụng CNTT, chuyển đổi số tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường có năng lực, biết ứng dụng CNTT trong quản lý và giảng dạy; có tinh thần trách nhiệm.

100% viên chức đều có trình độ Tin học (trong đó 07 giáo viên có trình độ Đại học CNTT, còn lại là chứng chỉ trình độ Tin học cơ bản trở lên).

⁸ KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG CNTT VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM HỌC 2025-2026; Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; Kế hoạch bình dân học vụ số

Cán bộ giáo viên nhân viên nhà trường đa số tích cực ứng dụng CNTT trong công tác quản lý và giảng dạy, sử dụng thành thạo các phần mềm dạy học, phần mềm quản lý thi và phần mềm quản lý chất lượng.

Các hoạt động trong nhà trường đều được triển khai nền tảng quản trị dựa trên dữ liệu và công nghệ số: quản lý thông tin học sinh (hồ sơ, kết quả học tập), quản lý đội ngũ giáo viên.

Tổ chức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia tập huấn về ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, quản lý, khai thác sử dụng thiết bị dạy học và phòng học bộ môn, phòng học thông minh.

Nhà trường đã thực hiện số điểm điện tử, học bạ, ký duyệt giáo án điện tử.

Đã thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt đối với khoản thu của người học. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo thống kê kịp thời theo chỉ đạo của ngành.

c) Điểm yếu

Hạ tầng trang thiết bị CNTT cần bổ sung và nâng cấp. Tài chính để đảm bảo khai thác học liệu số đạt chất lượng, đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu, tham khảo của giáo viên và học sinh vì vậy vẫn đề khai thác học liệu số (như sách điện tử, thư viện điện tử, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, bài giảng điện tử, phần mềm học liệu điện tử...) chưa thực sự hiệu quả.

Một số học liệu số của các tổ chuyên môn chất lượng chưa cao.

d) Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/ thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tăng cường bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng module theo nhu cầu thực tế của cán bộ, giáo viên, nhân viên.	Lãnh đạo nhà trường, tổ CNTT	Cán bộ, giáo viên, nhân viên	Năm học 2026-2027 và các năm học tiếp theo	Không
Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng mạng đồng bộ, thiết bị công nghệ thông tin thiết thực phục vụ dạy - học, tạo cơ hội học tập cho giáo viên và học sinh.	Lãnh đạo nhà trường	Nguồn ngân sách được cấp, các nguồn lực tài trợ (nếu có)	Năm học 2026-2027 và các năm học tiếp theo	Khoảng 120 triệu/năm

Thúc đẩy phát triển học liệu số (phục vụ việc dạy - học, kiểm tra, đánh giá, học sinh), tiếp tục đổi mới cách dạy và học trên cơ sở áp dụng công nghệ thông tin, khuyến khích và hỗ trợ áp dụng mô hình giáo dục đào tạo mới dựa trên các nền tảng số.	Lãnh đạo nhà trường	Cán bộ, giáo viên, nhân viên	Năm học 2026-2027 và các năm học tiếp theo	Không
--	---------------------	------------------------------	--	-------

e) **Tự đánh giá:** Đạt mức độ 3

Kết luận về Tiêu chí: Đạt mức độ 3

3. Tiêu chí 2.3. Triển khai phần mềm quản trị nhà trường

a) Mô tả hiện trạng:

Nhà trường có ban hành quy chế sử dụng hồ sơ Hệ thống phần mềm quản trị nhà trường (Quy chế quản lý và sử dụng các phần mềm ban hành Quyết định số 132/QĐ-THPT NT ngày 14 tháng 10 năm 2025), có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập), có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử, có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CB, GV, NV, có triển khai phần mềm phục vụ quản lý điều hành khác: Cổng thông tin điện tử, quản lý văn bản điện tử...; có triển khai phân hệ quản lý hồ sơ chuyên môn giáo viên. Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất, có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh, Có triển khai phân hệ quản lý kế toán, Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý). **[H2-2.3-01]**

100% cán bộ, giáo viên nhà trường đều được cấp chứng thư số của Vnpt; 3/3 lãnh đạo sử dụng chứng thư số của Ban cơ yếu chính phủ để ký gửi văn bản đi. 100% văn bản đi nhà trường thực hiện dưới dạng ký số.

Đường link truy cập các phần mềm quản lý, hình ảnh chụp màn hình các phần mềm quản trị nhà trường **[H2-2.3-02]**

b) Điểm mạnh

Nhà trường đã triển khai có hiệu quả các phần mềm trong công tác quản lý, quản trị nhà trường. Khả năng sử dụng phần mềm đáp ứng được các yêu cầu của công tác quản lý, quản trị trong nhà trường, đảm bảo tính chính xác linh hoạt. CBQL, giáo viên, nhân viên đều đáp ứng các yêu cầu về sử dụng phần mềm trực tuyến, thuận tiện cho công tác quản lý trong nhà trường. Nhà trường đã ban hành các văn bản về quản lý và sử dụng hồ sơ điện tử, thành lập tổ quản trị để quản lý các phần mềm trực tuyến, đảm bảo theo quy định.

Việc duy trì và sử dụng phần mềm quản lý trường học trong nhà trường được thực hiện nghiêm túc đúng quy định của Pháp luật và đảm bảo an ninh,

an toàn.

c) Điểm yếu:

Việc cập nhật thông tin trên các phần mềm của giáo viên có cá nhân còn chậm và thiếu so với quy định; cập nhật thông tin học sinh còn thiếu, nhất là phần Đoàn, Đội.

Việc sử dụng các tính năng trong các phân hệ được cấp còn hạn chế.

d) Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/ thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Quản triệt trong nhà trường thực hiện tốt các quy định trong việc sử dụng và quản lý hồ sơ điện tử đảm bảo an toàn đúng quy định; thực hiện đúng thời gian việc gia hạn các phần mềm để đảm bảo kịp thời trong thực hiện nhiệm vụ.	Lãnh đạo nhà trường	Cán bộ, giáo viên, nhân viên	Năm học 2026-2027 và các năm học tiếp theo	Không
Phân khai nguồn tài chính để duy trì nâng cấp các phần mềm hàng năm và công tác bảo đảm an toàn an ninh các phần mềm trực tuyến dùng trong nhà trường.	Lãnh đạo nhà trường	Nguồn ngân sách được cấp	Năm học 2026-2027 và các năm học tiếp theo	Khoảng 10 triệu/năm
Tiếp tục thực hiện công tác bồi dưỡng quản lý và sử dụng phần mềm trên cơ sở các phân hệ đã mở đảm bảo đúng quy định, an toàn; tiếp tục nghiên cứu và mở thêm các phân hệ khác và khai thác một cách hiệu quả phục vụ cho công tác quản lý trong nhà trường.	Lãnh đạo nhà trường, Tổ CNTT	Cán bộ, giáo viên, nhân viên	Năm học 2026-2027 và các năm học tiếp theo	Không

e) Tự đánh giá:

STT	Chỉ số	Điểm số
1	Quy chế sử dụng Hệ thống quản trị nhà trường – Vnedu.vn phần	6

STT	Chỉ số	Điểm số
	mềm quản lý trường học.	
2	Phần mềm quản lý trường học Vnedu.vn (Có triển khai phân hệ quản lý học sinh)	6
3	Phần mềm quản lý trường học Vnedu.vn (Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử)	10
4	Phần mềm quản lý trường học Vnedu.vn (Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CB, GV, NV)	5
5	Phần mềm Misa (Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất)	6
6	Phần mềm quản lý trường học Vnedu.vn (Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh)	5
7	Triển khai phân hệ quản lý thư viện điện tử	4
8	Phần mềm kế toán Misa (Có triển khai phân hệ quản lý kế toán)	6
9	Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành https://truong.csdl.moet.gov.vn	8
10	Triển khai phân hệ quản lý hồ sơ chuyên môn giáo viên	5
11	Triển khai các phần mềm phục vụ quản lý điều hành khác: Cổng thông tin điện tử, quản lý văn bản điện tử...	5
Tổng điểm: 66		– Đạt: Mức độ 3

Kết luận về Tiêu chí: Đạt mức độ 3

4. Tiêu chí 2.4: Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến.

a) Mô tả hiện trạng:

Trong Kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, nhà trường cũng đã ghi rõ việc sử dụng app liên lạc điện tử đối với học sinh; các dịch vụ thu trực tuyến đối với học sinh. Nhà trường cũng công khai mức thu đối với các dịch vụ trực tuyến trên Website đơn vị.

Từ năm học 2024-2025, nhà trường sử dụng AppVnEdu Connect để kết nối giữa nhà trường và phụ huynh **[H2-2.4.01]**;

Nhà trường đã ban hành Kế hoạch tuyển sinh lớp 10 năm học 2025-2026, 2026-2027 có nội dung phiếu đăng kí dự tuyển và nguyện vọng đăng ký theo hình thức trực tuyến, có thông báo thu lệ phí trực tuyến **[H2-2.4.02]**;

Nhà trường có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt. Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã tổ chức tuyên truyền tới học sinh và phụ huynh việc thực hiện các khoản thu trực tuyến, hợp đồng liên kết thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt với Ngân hàng BIDV chi nhánh Thành Nam và đã triển khai thực hiện hiệu quả. **[H2-2.4.03]**.

b) Điểm mạnh:

Nhà trường đã triển khai sử dụng App liên lạc điện tử với cha mẹ học sinh;

sử dụng học bạ số đối với tất cả các khối lớp; sử dụng dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt thuận lợi, nhận được sự đồng thuận của 100% phụ huynh học sinh. Việc tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn đến phụ huynh học sinh được nhà trường triển khai hiệu quả.

c) Điểm yếu:

Việc triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường qua ứng dụng AppVnEdu Connect còn gặp khó khăn ở một bộ phận phụ huynh học sinh. Nguyên nhân là do, một bộ phận phụ huynh học sinh chưa có phương tiện hiện đại để sử dụng ứng dụng.

d) Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/ thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Định kỳ rà soát việc triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường qua ứng dụng App Vnedu connect. Thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin phản hồi của phụ huynh học sinh để việc sử dụng ứng dụng ngày càng hiệu quả. Chú trọng việc hướng dẫn cha mẹ học sinh khai thác hiệu quả ứng dụng.	Lãnh đạo nhà trường, GVCN, Tổ CNTT	Ứng dụng App Vnedu Connect	Năm học 2026-2027 và các năm học tiếp theo	Không

e) Tự đánh giá:

STT	Chỉ số	Điểm số
1	Triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường	11
2	Triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến	8
3	Triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt	10
Tổng điểm: 29 - Đạt: Mức độ 3		

Kết luận về tiêu chí: Đạt mức độ 3

Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục:

Điểm mạnh:

Lãnh đạo đơn vị luôn chú trọng công tác chuyển đổi số trong nhà trường, triển khai kịp thời bằng hệ thống kế hoạch, hướng dẫn đúng theo hướng dẫn của ngành, phù hợp với điều kiện của đơn vị; luôn huy động tối đa tất cả nguồn lực về

CSVC và nhân lực để đảm bảo chất lượng công tác chuyển đổi số trong nhà trường.

Các thành viên trong BCD sử dụng cơ bản thành thạo ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, có tính thần trách nhiệm trong công việc.

Điểm yếu:

Hạ tầng trang thiết bị CNTT cần được bổ sung và trang cấp.

Một bộ phận phụ huynh học sinh chưa có phương tiện hiện đại để sử dụng ứng dụng Vnedu connect; chưa khai thác hiệu quả ứng dụng này trong việc kết nối với nhà trường.

Tổng điểm nhóm tiêu chí 2: 95 - Đạt mức độ: 3

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Năm học 2025-2026, đơn vị đã tích cực triển khai chuyển đổi số trong dạy học và quản trị nhà trường. 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên biết UDCNTT; hầu hết viên biết khai thác hiệu quả các phần mềm vào quản trị và dạy học. Nhà trường đã thực hiện quản lý hồ sơ dạy học và giáo án của giáo viên trên phần mềm quản lý nhà trường Vnedu, tiếp tục xây dựng được kho học liệu số phục vụ dạy học, tiếp tục triển khai 100% các khoản thu dịch vụ không dùng tiền mặt; thường xuyên kiểm tra, tu sửa CSVC phục vụ UDCNTT và CDS.

Kết quả tự đánh giá mức độ chuyển đổi số của đơn vị năm học 2025-2026 như sau:

- Mức độ 1: 0 tiêu chí (0%)
- Mức độ 2: 04 tiêu chí (57,14%)
- Mức độ 3: 03 tiêu chí (42,86%)
- Tiêu chí đánh giá đạt (Điều kiện bắt buộc): 4/4 tiêu chí đạt (100%)

Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: Mức độ 2

Cơ sở giáo dục đề nghị đạt mức độ chuyển đổi số: Mức độ 2.

Nam Truc, ngày 25 tháng 5 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
HIỆU TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (Phòng CTHSSV);
- CBGVNV;
- Đăng tải Website;
- Lưu: VT.



Đào Văn Dẫn

Đ. T. H. N. H. B. I.
ÔNG